

Số: 132/2026/DS-ST
Ngày: 19/5/2026
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mộng Tuyền
Các Hội thẩm nhân dân: 1 Ông Nguyễn Thanh Nhu
2 Bà Phạm Thị Lợi

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thuỳ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long tham gia phiên
tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 520/2025/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2026/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2026/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần X.

Địa chỉ: 89 A, phường B, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Đỗ Thành T – Phó giám đốc Trung tâm Thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý – X.

Đại diện theo uỷ quyền của ông T:

Bà Nguyễn Thị Kim Y – Cán bộ xử lý nợ - X.

Địa chỉ: 261B A, phường B, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Ông Đỗ Văn Q, sinh năm 1989.

Địa chỉ: 191/TB, ấp A, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị Mỹ D, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 191/TB, ấp A, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

(Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Y vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đỗ Văn Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Mỹ D vắng mặt)

NỘI D V U Á N

Theo đơn khởi kiện ngày 17/01/2025, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/10/2025 và trong quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị Kim Y là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần X có ký kết với ông Đỗ Văn Q các hợp đồng tín dụng sau:

1. Hợp đồng cho vay số LN2203265454977 ký ngày 18/4/2022, cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 425.000.000 đồng
- Thời hạn cho vay: 84 tháng.
- Lãi suất: 9.3%/năm cố định trong 12 tháng đầu tiên, sau đó định kỳ điều chỉnh 3 tháng /lần, biên độ 3.6%/năm.
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu HUYNDAL, Accent, 1.4L, AT sản xuất mới 100%.
- Tài sản bảo đảm: Xe ô tô nhãn hiệu HUYNHDAI, Accent, 1.4L, AT, Biển số đăng ký: 71E-001.12, số khung: RLUA741BBNN074859, số máy: G4LCNG001124 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 71 005844 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Bến Tre cấp ngày 16/4/2022 cho ông Đỗ Văn Q.

Đến ngày 19/5/2026, ông Q đã trả cho X tổng số tiền 398.854.968 đồng (trong đó nợ gốc là 232.760.000 đồng, nợ lãi là 166.094.968 đồng). Tạm tính đến ngày 19/5/2026, ông Q còn nợ X tổng số tiền 209.539.052 đồng (trong đó nợ gốc là 192.240.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.296.774 đồng, nợ lãi quá hạn là 16.056.278 đồng).

2. Hợp đồng cho vay số LD2321900846 ký ngày 07/8/2023, cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 70.000.000 đồng
- Thời hạn cho vay: 48 tháng.
- Lãi suất cho vay: 27.5%/năm cố định trong 12 tháng sau đó điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần.
- Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống.

Đến ngày 19/5/2026, ông Q đã trả cho X tổng số tiền 78.515.381 đồng (trong đó nợ gốc là 37.255.951 đồng, nợ lãi là 41.259.430 đồng). Tạm tính đến ngày 19/5/2026, ông Q còn nợ X tổng số tiền 37.418.826 đồng (trong đó nợ gốc là 32.744.049 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.739.487 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.935.290 đồng).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 16/9/2025 ông Q đã không thanh toán nợ gốc và lãi của hai hợp đồng tín dụng nêu trên cho X, mặc dù X đã nhiều lần tạo điều kiện và thời gian cho bị đơn thanh toán nợ nhưng vẫn không thực hiện.

Tính đến ngày 19/5/2026, ông Q đã trả cho X theo hợp đồng tín dụng số LN2203265454977 ký ngày 18/4/2022 số tiền 398.854.968 đồng (trong đó nợ gốc là 232.760.000 đồng, nợ lãi là 166.094.968 đồng). Ông Q còn nợ X số tiền 209.539.052 đồng (trong đó nợ gốc là 192.240.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.296.774 đồng, nợ lãi quá hạn là 16.056.278 đồng).

Theo hợp đồng tín dụng số LD2321900846 ngày 07/8/2023, ông Q đã trả cho X tổng số tiền 78.515.381 đồng (trong đó nợ gốc là 37.255.951 đồng, nợ lãi là 41.259.430 đồng). Ông Q còn nợ X số tiền 37.418.826 đồng (trong đó nợ gốc là 32.744.049 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.739.487 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.935.290 đồng).

Do đó, X khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long giải quyết các vấn đề như sau:

1. Buộc ông Đỗ Văn Q phải trả ngay một lần toàn bộ số tiền còn nợ cho X, tạm tính đến ngày 19/5/2026, cụ thể như sau:

- Đối với Hợp đồng cho vay số LN2203265454977 ký ngày 18/4/2022 ông Q phải trả số tiền 209.539.052 đồng (trong đó nợ gốc là 192.240.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.296.774 đồng, nợ lãi quá hạn là 16.056.278 đồng).

- Đối với Hợp đồng cho vay số LD2321900846 ký ngày 07/8/2023 ông Q phải trả số tiền 37.418.826 đồng (trong đó nợ gốc là 32.744.049 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.739.487 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.935.290 đồng).

2. Ông Q phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo mức lãi suất đã thỏa thuận theo các hợp đồng nêu trên từ ngày 20/5/2026 cho đến khi thanh toán hết số nợ vay cho X.

3. Trường hợp ông Q không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì X có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN2203265454977 ngày 18/4/2022 đã ký kết giữa X với ông Đỗ Văn Q và bà Võ Thị Mỹ D, tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu HUYNHDAI, Accent, 1.4L, AT, Biển số đăng ký: 71E-

001.12, số khung: RLUA741BBNN074859, số máy: G4LCNG001124 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 71 005844 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Bến Tre cấp ngày 16/4/2022 cho ông Đỗ Văn Q để thu hồi nợ.

4. Sau khi phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ ông Đỗ Văn Q phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ còn lại cho X.

Bị đơn ông Đỗ Văn Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Mỹ D vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có lời trình bày.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 phát biểu ý kiến:*

- *Về thủ tục tố tụng:* Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử nhưng vắng mặt không lý do nên chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

- *Về nội dung:* Đề nghị Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần X. Buộc ông Đỗ Văn Q có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X tổng số tiền tính đến ngày 19/5/2026 là 246.957.878 đồng (Hai trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm bảy mươi tám đồng). Buộc ông Đỗ Văn Q có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 20/5/2026 cho Ngân hàng với mức lãi suất theo thuận tại các hợp đồng vay mà các bên đã ký kết cho đến khi ông Q thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp ông Đỗ Văn Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số LN2203265454977 ngày 18/4/2022 đối với tài sản đăng ký thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu HUYNHDAI, Biển số đăng ký: 71E-001.12 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 71 005844 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Bến Tre cấp ngày 16/4/2022, tên chủ sử dụng Đỗ Văn Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa - Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim Y vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Đỗ Văn Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Mỹ D dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn

cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Y, ông Q và bà D.

[2] Về nội dung: Các hợp đồng cho vay số LN2203265454977 ký ngày 18/4/2022 và hợp đồng cho vay số LD2321900846 ký ngày 07/8/2023 được xác lập giữa Ngân hàng TMCP X và ông Đỗ Văn Q là hoàn toàn tự nguyện, không có sự lừa dối ép buộc nên có hiệu lực thi hành với các bên. Theo nội dung hợp đồng phía ngân hàng đã giải ngân cho ông Q theo phương thức chuyển khoản vào tài khoản của ông Q. Do đó, có đủ cơ sở xác định ông Q có vay của ngân hàng số tiền 425.000.000 đồng theo hợp đồng số LN2203265454977 và 70.000.000 đồng theo hợp đồng số LD2321900846 và đã nhận đủ các khoản tiền trên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 15/9/2025, ông Q đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền 398.854.968 đồng (trong đó nợ gốc là 232.760.000 đồng, nợ lãi là 166.094.968 đồng) của hợp đồng vay số LN2203265454977 và tổng số tiền 78.515.381 đồng (trong đó nợ gốc là 37.255.951 đồng, nợ lãi là 41.259.430 đồng) của hợp đồng vay số LD2321900846. Từ sau 15/9/2025 ông Q đã ngưng không thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong các hợp đồng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Văn Q thanh toán số tiền nợ còn lại theo các hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng số LN2203265454977 ký ngày 18/4/2022 phải trả số tiền 209.539.052 đồng (trong đó nợ gốc là 192.240.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.296.774 đồng, nợ lãi quá hạn là 16.056.278 đồng); Hợp đồng số LD2321900846 ký ngày 07/8/2023 ông Q phải trả số tiền 37.418.826 đồng (trong đó nợ gốc là 32.744.049 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.739.487 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.935.290 đồng). Bị đơn ông Q đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý đối với yêu cầu khởi kiện cũng như các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải của Tòa án, tuy nhiên ông Q không tham gia và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của ông đối với các yêu cầu khởi kiện của ngân hàng.

Do đó, căn cứ vào các chứng cứ phía nguyên đơn giao nộp là các hợp đồng tín dụng mà ông Q đã ký với ngân hàng và các bảng tóm tắt sao kê do ngân hàng cung cấp có đủ cơ sở xác định đến ngày 19/5/2026 ông Q còn nợ số tiền 209.539.052 đồng theo hợp đồng vay số LN2203265454977 và số tiền 37.418.826 đồng theo hợp đồng vay số LD2321900846 nên xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật tại các Điều 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010 và Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng 2024 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét về yêu cầu tính lãi tiếp tục: Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 20/5/2026 đến khi ông Q trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận là phù hợp với thỏa thuận trong các hợp đồng vay mà các bên đã ký kết cũng như theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng 2010, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp:

Ông Đỗ Văn Q khi ký kết hợp đồng vay số LN2203265454977 ngày 18/4/2022 với Ngân hàng thì ông Q và vợ là bà Võ Thị Mỹ D có ký kết hợp đồng thế chấp số LN2203265454977 ngày 18/4/2022 thế chấp xe ô tô nhãn hiệu HUYNHDAI, Accent, 1.4L, AT, Biển số đăng ký: 71E-001.12 để đảm bảo cho khoản tiền vay nên khi án có hiệu luật hoặc khi có đơn yêu cầu Thi hành án mà ông Q không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên và lãi phát sinh cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản hợp pháp của ông Q, bà D đã thế chấp để thu hồi nợ là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 12.347.894 (Mười hai triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm chín mươi bốn đồng). Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Q phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 238, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ các Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần X. Buộc ông Đỗ Văn Q có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X tổng số tiền tính đến ngày 19/5/2026 là 246.957.878 đồng (Hai trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm bảy mươi tám đồng). Trong đó nợ gốc là 224.984.049 đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn không trăm bốn mươi chín đồng), nợ lãi trong hạn là 4.036.261 đồng (Bốn triệu không trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm sáu mươi một đồng), nợ lãi quá hạn là 17.991.568 đồng (Mười bảy triệu chín trăm chín mươi một nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng).

2. Buộc ông Đỗ Văn Q có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 20/5/2026 cho Ngân hàng với mức lãi suất theo thỏa thuận tại các hợp đồng vay mà các bên đã ký kết cho đến khi ông Q thanh toán xong nợ gốc.

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, trường hợp ông Đỗ Văn Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số LN2203265454977 ngày 18/4/2022 đối với tài sản đăng ký thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu HUYNHDAI, Accent, 1.4L,

AT, Biển số đăng ký: 71E-001.12, số khung: RLUA741BBNN074859, số máy: G4LCNG001124 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 71 005844 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Bến Tre cấp ngày 16/4/2022, tên chủ sử dụng Đỗ Văn Q.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Buộc ông Đỗ Văn Q phải nộp số tiền án phí: 12.347.894 (Mười hai triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm chín mươi bốn đồng).

4.2. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.784.673 đồng (Sáu triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn sáu trăm bảy mươi ba đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011392 ngày 05/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại UBND nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- *Đương sự;*
- *VKSND khu vực 8 – Vĩnh Long;*
- *TAND tỉnh Vĩnh Long;*
- *THADS tỉnh Vĩnh Long;*
- *Lưu.*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đặng Mộng Tuyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Trung

Nguyễn Văn Tiến

Nguyễn Duy Linh

